

TRƯỜNG THPT PHƯỚC LONG
TỔ SỬ-GD&T&PL

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II – KHỐI 10
NĂM HỌC 2024-2025

Nội dung ôn tập từ bài 9 đến bài 14- học sinh chú ý những nội dung trọng tâm sau.

Bài 9: Thành tựu tiêu biểu của văn minh Đông Nam Á thời cổ - trung đại

Câu 1: “Cư dân Đông Nam Á thờ các con vật gần gũi với cuộc sống của xã hội nông nghiệp như trâu, cóc, chim, rắn...”. Thông tin trên phản ánh tín ngưỡng nào sau đây của cư dân Đông Nam Á?

- A. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên B. Tín ngưỡng phồn thực
C. Tín ngưỡng thờ thần tự nhiên D. Tín ngưỡng thờ thần động vật

Câu 2: Tôn giáo nào sau đây có nguồn gốc từ Ấn Độ và được truyền bá mạnh mẽ vào khu vực Đông Nam Á?

- A. Phật giáo B. Đạo giáo C. Hồi giáo D. Thiên chúa giáo

Câu 3: Từ thế kỉ XVI, thông qua hoạt động của các giáo sĩ phương Tây, tôn giáo nào sau đây đã từng bước được du nhập vào Đông Nam Á?

- A. Phật giáo B. Đạo giáo C. Hồi giáo D. Thiên chúa giáo

Câu 4: Từ khoảng thế kỉ XIII, tôn giáo nào theo chân các thương nhân A-rập và Ấn Độ du nhập vào Đông Nam Á?

- A. Ấn Độ giáo. B. Thiên Chúa giáo. C. Phật giáo. D. Hồi giáo.

Câu 5: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng đặc điểm về chữ viết ở khu vực Đông Nam Á thời kì cổ - trung đại?

- A. Chịu ảnh hưởng của chữ viết từ bên ngoài B. Ra đời sớm, trước khi xuất hiện Nhà nước
C. Có sự đa dạng nhưng thiếu tính thống nhất D. Ra đời cùng quá trình du nhập tôn giáo

Câu 6: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng ý nghĩa của việc cư dân Đông Nam Á sáng tạo ra chữ viết riêng của mình từ thời kì cổ - trung đại?

- A. Tạo điều kiện cho sự ra đời của Nhà nước và các quốc gia thống nhất.
B. Thể hiện tinh thần tự chủ, không vay mượn yếu tố văn hóa bên ngoài.
C. Tạo điều kiện cho sự phát triển rực rỡ của nền văn học dân tộc.

Câu 7: Một trong những công trình kiến trúc điển hình ở khu vực Đông Nam Á thời kì cổ - trung đại là

- A. đền tháp Bô-rô-bu-đua B. vạn lý trường thành C. đấu trường Rô - ma D. kim tự tháp

Câu 8: Điền vào chỗ trống để hoàn thành câu dưới đây: “Khu đền Ăng-co Vát và Ăng-co Thom ở Cam-pu-chia, Thạt Luồng ở Lào, tháp Chăm ở Việt Nam vừa mang dáng dấp kiến trúc của, vừa có nét độc đáo riêng của nền văn hoá dân tộc, là những di tích lịch sử - văn hoá nổi tiếng thế giới”.

- A. Trung Quốc B. Thái Lan C. Ấn Độ D. In-đô-nê-xi-a

Câu 9: Nội dung nào sau đây là điểm tương đồng giữa văn minh Đông Nam Á thời kì cổ - trung đại với văn minh phương Tây thời kì cổ đại?

- A. Cùng theo một tôn giáo, tín ngưỡng B. Có thành tựu phong phú, đa dạng
C. Có kinh tế nông nghiệp là chủ đạo D. Cùng sử dụng chung một ngôn ngữ

Câu 10: Nội dung nào sau đây là nguy cơ của nền văn minh Đông Nam Á trước xu thế toàn cầu hóa hiện nay?

- A. Phát triển ngày càng đa dạng, phong phú hơn.
B. Tiếp nhận thêm nhiều yếu tố văn hóa mới tích cực.
C. Đánh mất dần bản sắc văn hóa của các dân tộc.
D. Học hỏi được những tiến bộ kĩ thuật bên ngoài.

Câu 11: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng đặc điểm của nghệ thuật điêu khắc ở khu vực Đông Nam Á thời kì cổ - trung đại?

- A. Chịu ảnh hưởng nghệ thuật điêu khắc từ bên ngoài

- B. kiến trúc và điêu khắc hoàn toàn độc lập với nhau
- C. Có sự đa dạng trong loại hình và ít có tính thống nhất
- D. Nghệ thuật điêu khắc ít chịu ảnh hưởng của tôn giáo

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Đền Ăngco Vát được xây dựng dưới thời vua Suryavácman II, hoàn thành vào năm 1150 đúng vào năm vua mất. Gần 1200m² phù điêu dọc tường hồi lang của ngôi đền thể hiện các cảnh lấy từ sử thi Ramayana hoặc các cảnh nói về chiến tích của Suryavácman II. Ở đây, chúng ta gặp chân dung đức vua hai lần: một lần đang thiết triều, một lần đang xung trận, các cảnh căng thẳng và hùng hực sát khí. Trong khi đó, các cảnh sinh hoạt và lễ hội lại êm đềm và sống động.

- a. Đền Ăngco Vát là một ngôi đền nổi tiếng của đất nước Cam – pu – chia, được hoàn thành vào thế kỉ XII.
- b. Các bức phù điêu của ngôi đền Ăngco Vát là một minh chứng cho thấy ảnh hưởng sâu sắc của văn hóa Ấn Độ và Ai Cập đến quốc gia này.
- c. Trong ngôi đền Ăngco Vát, nghệ thuật kiến trúc và nghệ thuật điêu khắc không tách rời nhau mà có sự kết hợp hài hòa với nhau.
- d. Thực tiễn cuộc sống là một trong những nguồn cảm hứng tạo nên sự đa dạng và phong phú cho nghệ thuật điêu khắc ở ngôi đền Ăngco Vát.

Câu 2: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Từ xa xưa, nước có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với các quốc gia có nền nông nghiệp lúa nước ở Đông Nam Á. Từ đó, những lễ hội té nước mang đậm bản sắc văn hóa truyền thống xuất hiện nhằm mục đích cầu mong mùa màng tươi tốt, quốc thái dân an, cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Lễ hội té nước còn là nghi thức đón năm mới ở một số nước Đông Nam Á. Lễ hội ở mỗi đất nước có tên gọi khác nhau (Thỉnh – an ở Mi – an – ma, Song – kơ – ran ở Thái Lan, Bun – pi – mây ở Lào, Chôl Chnăm Thmây ở Cam – pu – chia) nhưng được tổ chức cùng một mốc thời gian với các hoạt động văn hóa đặc sắc và những nghi lễ mang nhiều nét tương đồng”.

(Sách giáo khoa Lịch sử 10, Bộ chân trời sáng tạo, tr.58)

- a. Lễ hội té nước là một tín ngưỡng đặc sắc của khu vực Đông Nam Á.
- b. Nền kinh tế nông nghiệp lúa nước đóng vai trò chủ đạo là một trong những nguồn gốc sâu xa hình thành nên lễ hội té nước ở các quốc gia Đông Nam Á.
- c. Lễ hội té nước có nhiều tên gọi khác nhau, được tổ chức ở nhiều thời điểm khác nhau ở các nước Đông Nam Á.
- d. Lễ hội té nước cũng đồng thời là nghi thức đón năm mới của tất cả các quốc gia Đông Nam Á.

Bài 10: Văn minh Văn Lang – Âu Lạc

Câu 1: Nhà nước đầu tiên được hình thành trên lãnh thổ Việt Nam có tên gọi là

- A. Văn Lang
- B. Lâm Ấp
- C. Chăm pa
- D. Phù Nam

Câu 2: Nền văn minh Văn Lang - Âu Lạc chủ yếu được hình thành trên lưu vực con sông nào sau đây?

- A. Sông Hằng
- B. Sông Ấn
- C. Sông Hồng
- D. Sông Nin

Câu 3: Nền văn minh Văn Lang - Âu Lạc được hình thành ở khu vực nào sau đây của Việt Nam?

- A. Khu vực Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ Việt Nam ngày nay.
- B. Vùng duyên hải và cao nguyên miền Trung Việt Nam.
- C. Lưu vực sông Hồng, sông Thu Bồn và sông Cửu Long.
- D. Vùng ven biển Nam Trung Bộ và Nam Bộ Việt Nam.

Câu 4: Điều kiện tự nhiên nào sau đây tạo thuận lợi cho cư dân Văn Lang – Âu Lạc phát triển ngành nông nghiệp lúa nước?

- A. Tài nguyên khoáng sản phong phú
- B. Khí hậu khô hạn, lượng nhiệt lớn
- C. Hệ thống đất phù sa màu mỡ
- D. Tiếp giáp với các nền văn minh lớn

Câu 5: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng đặc điểm của bộ máy nhà nước Văn Lang - Âu Lạc?

- A. Hoàn chỉnh, chặt chẽ
- B. Đơn giản, sơ khai
- C. Quan liêu, tập quyền
- D. Phân quyền, pháp trị.

Câu 6: Một trong những công trình kiến trúc tiêu biểu được xây dựng dưới thời kì nhà nước Âu Lạc là

- A. chùa Một Cột B. tháp Phổ Minh C. thành Cổ Loa D. kinh thành Huế

Câu 7: Nội dung nào sau đây phản ánh sự phát triển kinh tế của cư dân Văn Lang - Âu Lạc?

- A. Kỹ thuật luyện kim, đúc đồng đạt trình độ cao. B. Thương nghiệp đường biển phát triển vượt bậc

- C. Kỹ thuật đóng gạch xây tháp đạt mức hoàn mỹ D. Làm chủ nhiều vùng rộng lớn ở Đông Nam Á.

Câu 8: Ngành kinh tế nào sau đây phát triển mạnh dưới thời kì Văn Lang – Âu Lạc?

- A. Chế tạo máy B. Đóng tàu biển C. Trồng lúa nước D. Làm giấy

Câu 9: Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng đời sống vật chất của cư dân Văn Lang – Âu Lạc?

- A. Nguồn lương thực, thực phẩm phong phú, đa dạng
B. Tín ngưỡng sùng bái các lực lượng tự nhiên phổ biến
C. Đi lại chủ yếu bằng đường thủy thông qua thuyền, bè
D. Nhà ở chủ yếu là kiểu nhà sàn làm bằng gỗ, tre, nứa, lá

Câu 10: Nhận xét nào sau đây là đúng về hoạt động kinh tế của cư dân Văn Lang – Âu Lạc?

- A. Hoạt động kinh tế đa dạng với nông nghiệp đóng vai trò chủ đạo
B. Nền kinh tế hàng hóa phát triển với trình độ tập trung sản xuất cao
C. Thủ công nghiệp và thương nghiệp đường biển đóng vai trò chủ đạo
D. Hoạt động kinh tế đa dạng phục vụ chủ yếu cho xuất khẩu ra bên ngoài

Câu 11: Tục thờ thần Mặt Trời là biểu hiện của tín ngưỡng nào sau đây của cư dân Văn Lang – Âu Lạc?

- A. Thờ cúng tổ tiên B. Tín ngưỡng phồn thực C. Sùng bái tự nhiên D. Thờ thần động vật

Câu 12: Một trong những nét độc đáo trong đời sống tinh thần của cư dân Văn Lang - Âu Lạc là

- A. chữ viết thể hiện tính bác học, uyên thâm B. sùng bái núi thiêng và năng công chúa rắn
C. thịnh hành tục thờ Mẫu và thờ cúng tổ tiên D. tục lệ chôn người chết trong các mộ chum.

Câu 13: Cư dân Văn Lang - Âu Lạc **không** có phong tục, tập quán nào sau đây?

- A. ở nhà sàn B. nhuộm răng đen C. Xăm mình D. thờ thần Dớt.

Câu 14: Nhận xét nào dưới đây là **không** đúng về vai trò của nền văn minh Văn Lang - Âu Lạc đối với tiến trình phát triển của lịch sử Việt Nam?

- A. Là nền văn minh đầu tiên của lịch sử dân tộc Việt Nam.
B. Góp phần định hình bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam
C. Đưa Việt Nam trở thành quốc gia giàu mạnh nhất khu vực.
D. Đặt nền tảng cho sự phát triển của các nền văn minh sau này.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Đọc đoạn tư liệu sau đây

“Dù ai đi ngược về xuôi
Nhớ ngày giỗ Tổ mùng mười tháng Ba”

(Ca dao)

Lễ hội đền Hùng tại Phú Thọ được tổ chức vào ngày 10 tháng Ba âm lịch hằng năm. Đây là dịp người dân Việt Nam tưởng nhớ công lao dựng nước của các Vua Hùng, thể hiện đạo lý truyền thống “uống nước nhớ nguồn” và tinh thần đại đoàn kết. Năm 2012, UNESCO đã ghi danh Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương là Di sản Văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại

(Sách giáo khoa Lịch sử 10, Bộ cánh diều, tr.55)

- a. Đoạn tư liệu trên đã tóm tắt lại một tác phẩm văn học dân gian của nước ta.
b. Ngày giỗ tổ mùng 10 tháng Ba âm lịch hằng năm nhằm tưởng nhớ công lao của các Vua Hùng được coi là quốc giỗ của dân tộc ta.
c. Ngày giỗ tổ mùng 10 tháng Ba âm lịch lần đầu tiên được tổ chức vào năm 2012 khi tín ngưỡng này được UNESCO ghi danh.

d. Tín ngưỡng thờ Quốc Tổ Hùng Vương là tín ngưỡng duy nhất của Việt Nam hiện nay đã phát huy cao độ truyền thống “uống nước nhớ nguồn” của dân tộc.

Câu 2: Đọc đoạn tư liệu sau đây

“Thành Cổ Loa là một công trình văn hóa và quân sự vào loại phi thường nhất lịch sử văn minh cổ đại của người Việt. Thành có 9 vòng, chu vi vòng ngoài cùng 8km, vòng giữa 6,5km, vòng trong cùng 1,6km. Lũy cao 4- 5m, có chỗ 8 – 12m, mặt lũy rộng 6 – 12m, chân lũy rộng 20 – 30m. Đến nay, nhiều lớp tường cổ của tòa thành vẫn còn và được xem như là di tích lịch sử quý báu nhất. Vừa xây Loa thành, An Dương Vương vừa lo tổ chức quân đội. Tướng lĩnh và binh lính hàng ngày cần mẫn thao luyện. Những hiệp thợ chuyên rèn vũ khí ngày đêm rèn côn, kiếm, giáo, mác. Kỹ thuật đúc đồng được An Dương Vương khuyến khích phát triển”.

(Tranh truyện lịch sử Việt Nam, *An Dương Vương*, NXB Kim Đồng, 2022, tr.15)

- a. Thành Cổ Loa là một công trình văn hóa và quân sự nổi bật của nước ta còn tồn tại nguyên vẹn đến ngày nay.
- b. Thành Cổ Loa được xây dựng dưới thời An Dương Vương nhằm đối phó với nguy cơ giặc ngoại xâm lúc bấy giờ.
- c. Thành Cổ Loa bao gồm có nhiều vòng, được xây dựng nhằm tạo nên một thế công thủ toàn diện.
- d. Dưới thời An Dương Vương, ngành đúc đồng và chế tạo vũ khí được khuyến khích phát triển và trở thành ngành kinh tế chủ đạo.

Câu 3: Đọc đoạn tư liệu sau đây

“Cư dân Văn Lang – Âu Lạc có nền văn học truyền miệng phát triển, với nhiều truyện thần thoại, truyền thuyết, cổ tích kể về các vị thần, các nhân vật anh hùng, sự tích. Các truyện Lạc Long Quân và Âu Cơ, Sơn Tinh – Thủy Tinh, Thánh Gióng, Bánh chưng, bánh giầy, Trầu cau,...là những viên ngọc quý trong kho tàng văn học thời dựng nước.”

(*Sách giáo khoa lịch sử 10*, Bộ chân trời sáng tạo, tr.68)

- a. Đoạn tư liệu cung cấp thông tin thành tựu về chữ viết, văn học của cư dân Văn Lang – Âu Lạc.
- b. Cư dân Văn Lang – Âu Lạc có chữ viết riêng và sớm tạo dựng được một nền văn học viết phát triển rực rỡ.
- c. Kho tàng văn học dân gian của cư dân Văn Lang – Âu Lạc rất phong phú với nhiều thể loại như thần thoại, truyền thuyết, truyện ngắn, kí sự...
- d. Các truyện như Lạc Long Quân và Âu Cơ, Sơn Tinh – Thủy Tinh, Thánh Gióng đều kể về các nhân vật anh hùng có thật trong lịch sử.

Bài 11. Văn minh Chăm-Pa, văn minh Phù Nam

Câu 1: Nền văn minh Chăm-pa được hình thành ở khu vực nào của Việt Nam hiện nay?

- A. Vùng duyên hải và một phần cao nguyên miền Trung.
- B. Các tỉnh vùng đồng bằng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ.
- C. Các tỉnh vùng duyên hải miền Trung và Tây Nguyên
- D. Vùng ven biển Nam Trung Bộ và các tỉnh Nam Bộ.

Câu 2: Những cánh đồng màu mỡ ven sông Thu Bồn đã tạo điều kiện thuận lợi để cư dân cổ Chăm – pa phát triển ngành kinh tế nào sau đây?

- A. Nông nghiệp lúa nước
- B. Khai thác lâm thổ sản
- C. Luyện kim, đúc đồng
- D. Thương mại đường biển

Câu 3: Nội dung nào sau đây là cơ sở kinh tế dẫn đến sự hình thành nền văn minh Chăm - pa?

- A. Hoạt động buôn bán với phương Tây đặc biệt phát triển
- B. Bắt đầu xuất hiện sự phân hóa giữa các tầng lớp xã hội
- C. Chịu ảnh hưởng sâu sắc của văn minh Ấn Độ và Ai Cập
- D. Kinh tế nông nghiệp, thủ công nghiệp tương đối phát triển

Câu 4: Nội dung nào sau đây là một trong những cơ sở dẫn đến sự hình thành và phát triển của văn minh Chăm – pa?

- A. Mối liên kết giữa các cộng đồng cư dân Việt cổ
- B. Chịu ảnh hưởng sâu sắc của văn minh Ấn Độ

C. Nhu cầu đoàn kết chống xâm lược từ Trung Quốc D. Nền văn hóa Óc Eo đã phát triển đến cực thịnh

Câu 5: Văn minh Chăm – pa được hình thành trên cơ sở của nền văn hóa nào sau đây?

A. Sa Huỳnh B. Óc Eo C. Đông Sơn D. Phùng Nguyên

Câu 6: Nội dung nào sau đây **không** phải là cơ sở hình thành của văn minh Chăm-pa?

A. Chịu ảnh hưởng từ nền văn minh Ấn Độ. B. Hình thành trên cơ sở của văn hóa Sa Huỳnh.

C. Lưu giữ và phát huy nền văn hóa bản địa. D. Chịu ảnh hưởng của nền văn hóa Trung Hoa.

Câu 7: Nội dung nào sau đây là điểm khác biệt về cơ sở hình thành của nền văn minh Chăm – pa so với nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc?

A. Kinh tế nông nghiệp, thủ công nghiệp phát triển

B. Xã hội có sự phân hóa thành các giai cấp, tầng lớp

C. Chịu ảnh hưởng sâu sắc của văn minh Trung Hoa

D. Chịu ảnh hưởng sâu sắc của nền văn minh Ấn Độ

Câu 8: Cư dân Chăm – pa đã sáng tạo ra chữ Chăm cổ trên cơ sở tiếp thu chữ viết nào sau đây?

A. Chữ Phạn.

B. Chữ Hán.

C. Chữ La-tinh.

D. Chữ Nôm.

Câu 9: Công trình kiến trúc nào sau đây của văn minh Chăm-pa được công nhận là di sản văn hóa thế giới?

A. Thành Cổ Loa.

B. Thánh địa Mỹ Sơn.

C. Chùa Một Cột.

D. Tháp Phổ Minh.

Câu 10: Lễ hội truyền thống nào sau đây thuộc văn minh Chăm-pa?

A. Lễ hội Ka-tê.

B. Lễ hội Óóc Om Bóc.

C. Lễ hội Cơm mới.

D. Lễ hội Lồng tồng.

Câu 11: Nội dung nào sau đây là điểm tương đồng giữa văn minh Văn Lang – Âu Lạc với văn minh Chăm - pa?

A. Cùng theo một tôn giáo, tín ngưỡng

B. Có thành tựu phong phú, đa dạng

C. Có kinh tế thương nghiệp là chủ đạo

D. Chịu ảnh hưởng văn minh Ấn Độ

Câu 12: Nhận xét nào sau đây là đúng về vai trò của nền văn minh Chăm-pa đối với tiến trình phát triển của lịch sử Việt Nam?

A. Là một bộ phận hình thành bản sắc văn hóa Việt Nam.

B. Tạo nên sự tách biệt trong lịch sử văn hóa dân tộc.

C. Cung cấp nguồn sử liệu quý giá cho lịch sử thế giới.

D. Là cơ sở chủ yếu hình thành nền văn minh Đại Việt.

Câu 13: Nền văn minh Phù Nam được hình thành trên lưu vực con sông nào sau đây?

A. Sông Cửu Long.

B. Sông Thu Bồn

C. Sông Hồng

D. Sông Mã

Câu 14: Văn minh Phù Nam được hình thành và phát triển chủ yếu ở khu vực nào sau đây?

A. Đồng bằng sông Hồng.

B. Trung du Bắc Bộ.

C. Nam Bộ Việt Nam.

D. Duyên hải Trung Bộ

Câu 15: Văn minh Phù Nam được hình thành trên cơ sở của nền văn hóa nào sau đây?

A. Sa Huỳnh

B. Óc Eo

C. Đông Sơn

D. Đồng Đậu

Câu 16: Nội dung nào sau đây là cơ sở kinh tế dẫn đến sự hình thành nền văn minh Phù Nam?

A. Hoạt động buôn bán bằng đường biển đặc biệt phát triển

B. Bắt đầu xuất hiện sự phân hóa giữa các tầng lớp xã hội

C. Chịu ảnh hưởng sâu sắc của văn minh Ấn Độ và Ai Cập

D. Nhu cầu trị thủy và chống ngoại xâm ngày càng bức thiết

Câu 17: Nội dung nào sau đây phản ánh sự phát triển kinh tế của vương quốc Phù Nam?

A. Tiếp thu kĩ thuật làm đồng hồ, thuốc súng từ phương Tây.

B. Sản phẩm thủ công nghiệp đã phục vụ cho việc xuất khẩu.

C. Nông nghiệp lúa nước phát triển và đóng vai trò chủ đạo.

D. Kĩ thuật luyện kim và đúc đồng đạt đến trình độ hoàn mỹ.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Vùng đất này (Chăm – pa) được coi là vùng có khí hậu khô hạn nhất miền Trung, đồng bằng hẹp, khô hạn, cồn cát chiếm tỉ lệ cao. Trong những vùng ngăn cách bởi dải Hoành Sơn, có không gian khép kín, ba mặt là núi, hướng đông mở ra biển,... Mỗi liên hệ giữa các vùng với nhau chủ yếu là giao thông đường biển, bởi đường bộ phải vượt qua những đèo khá hiểm trở gian nan”.

(Lê Đình Phụng, *Đối thoại với nền văn minh cổ Chăm – pa*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2015, tr.104).

- Đoạn tư liệu cung cấp thông tin những cơ sở về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội cho sự hình thành nền văn minh Chăm – pa.
- Địa hình của vương quốc Chăm – pa bị chia cắt và phức tạp, bao gồm cả đồng bằng thấp trũng, rừng núi, cao nguyên và biển.
- Điều kiện tự nhiên của vương quốc Chăm – pa hoàn toàn không thuận lợi cho sự phát triển của nông nghiệp trồng lúa nước.
- Phương thức di chuyển chủ yếu của cư dân Chăm – pa bằng thuyền trên sông, biển.

Câu 2: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Chữ viết ra đời sớm đã thúc đẩy văn học dân gian Chăm phát triển song hành với văn học viết tạo nên nền văn học Chăm phong phú, đa dạng. Văn học dân gian có gần 50 bài ca dao; khoảng 1500 câu tục ngữ, câu đố; hơn 100 truyện cổ, truyền thuyết đã được sưu tầm; hơn 100 bài ca lịch sử hay tụng ca. Văn học viết đã tìm hiểu được các thể loại: Văn bia kí có 250 minh văn sáng tác từ thế kỉ II đến thế kỉ XV bằng cả tiếng Phạn lẫn tiếng Chăm cổ; 5 sử thi, 4 trường ca trữ tình, thơ thể sự Glong Anak, Twon Phauw..., thơ triết lý Nau Ikak, Jadar; gia huấn ca...

Sử thi Chăm mang màu sắc thần thoại Ấn Độ thấm đượm triết lý Bà la môn và Hồi giáo. Đặc biệt Ariya Bini – Cam được xem là một trong những truyện tình hay nhất của văn chương nhân loại.

- Đoạn tư liệu cung cấp thông tin thành tựu về chữ viết và văn học của văn minh Chăm – pa.
- Văn học dân gian của Chăm – pa có các thể loại tiêu biểu như: ca dao, tục ngữ, câu đố, sử thi, truyền thuyết, văn bia kí...
- Cư dân Chăm – pa sử dụng cả chữ viết của Ấn Độ và chữ viết riêng của mình trong các sáng tác văn học.
- Văn học Chăm – pa phong phú, đa dạng về thể loại, đóng góp vào sự phát triển chung của văn học nhân loại.

Câu 3: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Người Phù Nam khôn khéo kiệt kiệt, đánh chiếm các nước láng giềng không thần phục, bắt dân họ làm nô tì, đổi chác vàng bạc, lụa bạch. Con trai nhà giàu sang thì cắt gấm làm quần, con gái thì quần tóc, người nghèo thì lấy vải mà che. Họ dùng vàng bạc để nạp khảm bát đĩa. Họ biết dẫn gỗ làm nhà. Vua họ ở gác nhiều tầng. Họ lấy gỗ ken làm thành. Bờ bể nước họ có một loại cây gọi là đại nhược, lá dài tới 8 – 9 thước. Người ta bện lại để lợp nhà. Dân thường cũng làm nhà gác để ở”.

(Vũ Duy Mên (Chủ biên), *Lịch sử Việt Nam, Tập 1 – Từ khởi thủy đến thế kỉ X*, NXB Khoa học xã hội, 2017, tr.572)

- Đoạn tư liệu cung cấp một số thông tin về đời sống vật chất và tinh thần của cư dân cổ Phù Nam.
- Trong quá trình tồn tại, vương quốc Phù Nam đã tiến hành nhiều cuộc chiến tranh để mở rộng lãnh thổ ra bên ngoài.
- Cư dân Phù Nam có tập quán ở nhà sàn dựng bằng gỗ, mái lợp bằng lá.
- Cư dân Phù Nam đã biết dùng vải may quần áo, nhưng trang phục có sự phân biệt tùy theo tầng lớp xã hội.

Câu 4: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Cùng với quần thể di tích văn hóa Óc Eo, hàng trăm di tích thuộc nền văn hóa này với nhiều loại hình di chỉ khác nhau (di chỉ cư trú, di chỉ kiến trúc tôn giáo, di chỉ mộ táng,...) ở Nam Bộ đã được khai quật, nghiên cứu. Qua đó, không chỉ làm sáng tỏ về một nền văn hóa cổ rực rỡ đã từng tồn tại ở vùng đất Nam Bộ gắn liền với nhà nước Phù Nam, mà còn cho thấy sức lan tỏa rộng lớn của văn hóa Óc Eo đến toàn khu vực Đông Nam Á cổ đại. Văn hóa Óc Eo và Vương quốc Phù Nam là một bộ phận của văn hóa, lịch sử Việt Nam. Khám phá nền văn minh Phù Nam

sẽ giúp nhận thức đầy đủ hơn về Nam Bộ Việt Nam thời cổ đại; đồng thời, mở ra những khám phá thú vị về lịch sử cổ đại Đông Nam Á và thế giới”.

(*Sách giáo khoa Lịch sử 10*, Bộ chân trời sáng tạo, tr. 80)

- a. Đoạn tư liệu cung cấp thông tin về thành tựu của ngành khảo cổ học trong quá trình nghiên cứu về văn minh Phù Nam.
- b. Những thành tựu của văn minh Phù Nam chỉ có thể được phục dựng thông qua các di chỉ khảo cổ học.
- c. Văn minh Phù Nam không chỉ là một bộ phận của lịch sử, văn hóa Việt Nam mà còn có ảnh hưởng rộng lớn đến toàn khu vực Đông Nam Á.
- d. Trong việc nghiên cứu về lịch sử cổ đại Đông Nam Á, việc tìm hiểu, khám phá nền văn minh Phù Nam có vai trò quan trọng.

Bài 12. Cơ sở hình thành và quá trình phát triển của văn minh Đại Việt

Câu 1. Văn minh Đại Việt được phát triển trong điều kiện độc lập, tự chủ của quốc gia Đại Việt, với kinh đô chủ yếu là

- A. Thăng Long (Hà Nội).
- B. Phú Xuân (Huế).
- C. Hoa Lư (Ninh Bình).
- D. Thiên Trường (Nam Định).

Câu 2. Văn minh Đại Việt là những sáng tạo vật chất và tinh thần tiêu biểu của quốc gia Đại Việt, kéo dài từ

- A. Thế kỉ XV đến thế kỉ XX
- B. Thế kỉ X đến thế kỉ XV
- C. Thế kỉ X đến thế kỉ XIX
- D. Thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX

Câu 3. Quá trình phát triển của văn minh Đại Việt **không** gắn liền với vương triều nào sau đây của Việt Nam?

- A. Tây Sơn
- B. Lê sơ
- C. Tiền Lý
- D. Tiền Lê

Câu 4. Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đúng cơ sở hình thành và phát triển của nền văn minh Đại Việt?

- A. Kế thừa nền văn minh Văn Lang - Âu Lạc.
- B. Nền độc lập, tự chủ của quốc gia Đại Việt.
- C. Quá trình xâm lược và mở rộng lãnh thổ.
- D. Tiếp thu các thành tựu văn minh bên ngoài.

Câu 5. Văn minh Đại Việt có nguồn gốc sâu xa từ

- A. văn minh Chăm-pa.
- B. văn minh Phù Nam.
- C. văn minh Trung Hoa.
- D. văn minh Văn Lang – Âu Lạc

Câu 6. Người Việt đã tiếp thu có chọn lọc các thành tựu về thể chế chính trị, luật pháp từ nền văn minh nào sau đây?

- A. Văn minh Ấn Độ.
- B. văn minh Trung Hoa.
- C. Văn minh Ai Cập.
- D. Văn minh La Mã.

Câu 7. Trong quá trình tồn tại và phát triển, văn minh Đại Việt đã tiếp thu có chọn lọc thành tựu của văn minh Ấn Độ về

- A. luật pháp
- B. thiết chế chính trị
- C. chữ viết
- D. kiến trúc

Câu 8. Trong quá trình tồn tại và phát triển, văn minh Đại Việt đã tiếp thu tôn giáo nào sau đây từ phương Tây?

- A. Phật giáo
- B. Hindu giáo
- C. Thiên Chúa giáo
- D. Hồi giáo

Câu 9. Văn minh Đại Việt đã kế thừa và phát triển yếu tố nào sau đây từ nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc?

- A. Tín ngưỡng tốt đẹp
- B. Trình độ lập pháp
- C. Kỹ thuật làm giấy
- D. Kỹ thuật in tranh

Câu 10. Nội dung nào sau đây là cơ sở quan trọng nhất dẫn đến sự hình thành và phát triển rực rỡ của văn minh Đại Việt?

- A. Kế thừa các nền văn minh cổ đại
- B. Nền độc lập, tự chủ của đất nước
- C. Tiếp thu thành tựu văn minh Ấn Độ
- D. Tiếp thu thành tựu văn minh Trung Hoa

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Đọc đoạn tư liệu sau đây

Độc lập, tự chủ là nhân tố quan trọng của việc hình thành và phát triển nền văn minh Đại Việt. Vị thế độc lập về chính trị dẫn đến ý thức độc lập về văn hóa. Trải qua các triều đại Ngô, Đinh – Tiền Lê, Lý, Trần, Lê sơ,..., nền độc lập, tự chủ quốc gia tiếp tục được củng cố vững chắc. Đó là điều kiện thuận lợi để xây dựng một nền văn hóa với nhiều nét đặc sắc, tạo nên nền văn minh Đại Việt phát triển rực rỡ và toàn diện.

(Sách giáo khoa Lịch sử 10, bộ cánh diều, tr.66)

- a. Văn minh Đại Việt được hình thành và phát triển dựa trên nền độc lập, tự chủ của quốc gia Đại Việt.
- b. Tất cả các triều đại phong kiến Việt Nam đều có công chống giặc ngoại xâm, bảo vệ và củng cố vững chắc nền độc lập dân tộc.
- c. Có nhiều nhân tố thúc đẩy văn minh Đại Việt có bước phát triển rực rỡ và toàn diện, trong đó độc lập, tự chủ là một nhân tố quan trọng.
- d. Chỉ khi được độc lập về chính trị, cư dân Đại Việt mới có ý thức độc lập về văn hóa.

Câu 2: Đọc đoạn tư liệu sau đây

Trong quá trình hình thành và phát triển, người Việt đã tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn minh từ bên ngoài, đặc biệt là văn minh Trung Hoa (thể chế chính trị, luật pháp, chữ viết, tư tưởng Nho giáo, giáo dục, khoa cử,...); văn minh Ấn Độ (Phật giáo, nghệ thuật, kiến trúc,...); văn minh phương Tây (chữ viết, Thiên Chúa giáo,...) góp phần làm phong phú nền văn minh Đại Việt.

(Sách giáo khoa Lịch sử 10, bộ cánh diều, tr.66)

- a. Văn minh Đại Việt có sự kết hợp hài hòa giữa các giá trị của văn minh bản địa với các yếu tố du nhập bên ngoài.
- b. Việc tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa từ bên ngoài là nhân tố quan trọng hàng đầu dẫn đến sự phát triển rực rỡ của văn minh Đại Việt
- c. Văn minh Đại Việt đã tiếp thu thành tựu về tôn giáo của cả phương Đông và phương Tây.
- d. Cư dân Đại Việt tiếp thu thành tựu về chữ viết duy nhất từ nền văn minh Trung Hoa.

Bài 13. Một số thành tựu của văn minh Đại Việt

Câu 1: Một trong những công trình kiến trúc tiêu biểu của nước ta dưới thời kì văn minh Đại Việt là

- A. thành nhà Hồ B. Thánh địa Mỹ Sơn C. Thành Cổ Loa D. dinh Độc lập

Câu 2. Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đúng ý nghĩa của văn minh Đại Việt?

- A. Thể hiện sức sáng tạo, sự lao động bền bỉ của các thế hệ người Việt.
- B. Tạo nên sức mạnh dân tộc trong các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc.
- C. Góp phần bảo tồn, giữ gìn và phát huy thành tựu của văn minh Việt cổ.
- D. Có sức lan tỏa và ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của văn minh Trung Hoa.

Câu 3: Cuối thế kỉ XV, vua Lê Thánh Tông đã có biện pháp nào sau đây nhằm thúc đẩy sự phát triển của giáo dục, khoa cử đất nước?

- A. Khắc tên các tiến sĩ vào bia đá B. Ban hành Chiếu khuyến học
- C. Khuyến khích sử dụng chữ Nôm D. Mở khoa thi Hương đầu tiên

Câu 4: Trên cơ sở tiếp thu chữ Hán của Trung Quốc, người Việt đã sáng tạo ra

- A. chữ Nôm. B. chữ Phạn. C. chữ quốc ngữ. D. chữ La-tinh.

Câu 5. Đến thời Lê sơ, Nho giáo

- A. bước đầu được du nhập vào Đại Việt. B. được nâng lên địa vị độc tôn.
- C. bị nhà nước phong kiến kìm hãm D. không còn phát triển như trước.

Câu 6. Ở Đại Việt, Phật giáo phát triển mạnh mẽ nhất dưới thời kì nào?

- A. Ngô - Đinh. B. Đinh - Tiền Lê. C. Lý - Trần. D. Lê - Nguyễn.

Câu 7. Khi vua Trần hỏi về kế sách giữ nước, Trần Quốc Tuấn đáp: “Phải khoan thư sức dân để làm kế sâu rễ, bền gốc, đó là thượng sách để giữ nước”. Câu nói trên thể hiện tư tưởng nào sau đây của các triều đại phong kiến Đại Việt?

- A. Lấy dân làm gốc B. Tôn sư trọng đạo C. coi trọng hiền tài D. Trung quân ái quốc

Câu 8: Sự phát triển của giáo dục, khoa cử nước ta thời phong kiến gắn liền với

- A. Đạo giáo B. Phật giáo C. Nho giáo D. Thiên chúa giáo

Câu 9: Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng những thành tựu tiêu biểu của thủ công nghiệp Đại Việt?

- A. Thủ công nghiệp truyền thống tiếp tục được duy trì và phát triển.
- B. Xuất hiện nhiều nghề thủ công mới như làm tranh sơn mài, làm giấy.
- C. Thế kỉ XVI - XVII, xuất hiện nhiều làng nghề thủ công nổi tiếng cả nước.
- D. Sản xuất thủ công nghiệp là ngành kinh tế chủ đạo của nhân dân Đại Việt.

Câu 10: Để phát triển sản xuất nông nghiệp, nhà nước phong kiến Đại Việt đã ban hành chính sách nào sau đây?

- A. Bể quan tỏa cảng
- B. Ngụ binh ư nông
- C. Độc tôn Nho giáo
- D. Dựng bia tiến sĩ

Câu 11: Nội dung nào sau đây phản ánh điểm tiến bộ của luật pháp Việt Nam thời phong kiến?

- A. Bảo vệ sức kéo trong nông nghiệp
- B. Bảo vệ quyền lực tuyệt đối của nhà vua
- C. Khuyến khích phát triển ngoại thương
- D. Hạn chế sự phát triển của tôn giáo du nhập

Câu 12: Quốc triều hình luật là bộ luật được ban hành dưới triều đại nào sau đây?

- A. Lý.
- B. Trần.
- C. Lê sơ.
- D. Nguyễn

Câu 13: Bộ luật thành văn đầu tiên của Đại Việt là

- A. Hình thư.
- B. Hình luật.
- C. Luật Hồng Đức.
- D. Luật Gia Long.

Câu 14: Năm 1230, vua Trần Thái Tông đã cho soạn bộ luật nào?

- A. Hình thư.
- B. Hình luật.
- C. Luật Hồng Đức.
- D. Luật Gia Long.

Câu 15: Bộ luật nào dưới đây được ban hành dưới thời Lê sơ?

- A. Hình thư.
- B. Hình luật.
- C. Luật Hồng Đức.
- D. Luật Gia Long.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long là quần thể di tích gắn với lịch sử kinh thành Thăng Long, bắt đầu từ thời kì tiền Thăng Long (An Nam đô hộ phủ, thế kỉ VII) qua thời Đinh, Tiền Lê, phát triển mạnh dưới thời Lý, Trần, Lê sơ. Đây là quần thể kiến trúc đồ sộ, được các triều đại xây dựng trong nhiều giai đoạn lịch sử, là minh chứng cho sự phát triển rực rỡ của văn minh Đại Việt trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục. Năm 2010, Khu di tích trung tâm Hoàng thành Thăng Long được UNESCO ghi danh là Di sản văn hóa Thế giới.

(Sách giáo khoa Lịch sử 10, bộ cánh diều, tr.68)

- a. Thăng Long là kinh đô của nước Đại Việt qua nhiều triều đại phong kiến từ Đinh, Tiền Lê đến Lý, Trần, Lê sơ.
- b. Những dấu tích để lại trong Khu di tích trung tâm Hoàng thành Thăng Long là một cơ sở để tìm hiểu, nghiên cứu về văn minh Đại Việt.
- c. Trung tâm Hoàng thành Thăng Long là một quần thể kiến trúc đồ sộ, còn nguyên vẹn đến ngày nay, được công nhận là Di sản văn hóa Thế giới
- d. Kinh thành Thăng Long là nơi hội tụ tinh hoa văn hóa Đại Việt trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, giáo dục.

Câu 2: Đọc đoạn tư liệu sau đây

Thế kỉ XI – XV: văn minh Đại Việt hình thành và phát triển toàn diện, gắn liền với các vương triều Lý, Trần, Hồ, Lê sơ. Phật giáo, Đạo giáo có ảnh hưởng mạnh mẽ trong giai đoạn đầu. Tính dân tộc được thể hiện rõ nét, đặc biệt là thời kì Lý, Trần. Từ thế kỉ XV, Nho giáo dần trở thành hệ tư tưởng chính thống, giáo dục phát triển, khoa cử từng bước trở thành phương thức tuyển chọn chủ yếu trong quan lại.

(Sách giáo khoa Lịch sử 10, bộ cánh diều, tr.67)

- a. Thế kỉ XI đến thế kỉ XV là giai đoạn văn minh Đại Việt bước đầu được định hình và phát triển.
- b. Dưới thời kì Lý, Trần, Phật giáo và Đạo giáo có ảnh hưởng mạnh mẽ trong nhân dân.
- c. Từ thế kỉ XV, Nho giáo đã được du nhập vào nước ta và trở thành hệ tư tưởng chính thống.
- d. Từ thế kỉ XI – XV, sự phát triển của giáo dục, khoa cử Đại Việt gắn liền với quá trình củng cố

Câu 3: Đọc đoạn tư liệu sau đây

Bộ Quốc triều hình luật (gồm 722 điều) là bộ luật hoàn chỉnh nhất được thực thi từ thời Lê sơ đến thời Lê Trung hưng. Bộ luật này có những điều luật tiến bộ, ít thấy trong các bộ luật của các

nước phương Đông đương thời. Tiêu biểu như các điều luật bảo vệ quyền lợi của người phụ nữ: con gái được quyền chia tài sản như con trai (Điều 388); nếu không có con trai thì con gái được quyền thừa kế (Điều 391); chia đôi tài sản cho cả vợ và chồng (Điều 374 và Điều 375),...

(*Sách giáo khoa Lịch sử 10*, bộ kết nối tri thức với cuộc sống, tr.76)

- a. Quốc triều hình luật là một bộ luật hoàn chỉnh và tiến bộ của nước ta dưới thời kì văn minh Đại Việt.
- b. Quốc triều hình luật là bộ luật thành văn đầu tiên của nước ta, nhưng chỉ được thực thi từ thời Lê sơ đến thời Lê Trung hưng.
- c. Điểm chung của các Điều 388, 391, 374 và 375 trong bộ Quốc triều hình luật là bảo vệ quyền lợi của phụ nữ và những người yếu thế trong xã hội.
- d. Theo quy định của bộ Quốc triều hình luật, con gái có quyền thừa kế tài sản cùng với con trai.

Câu 4: Đọc đoạn tư liệu sau đây

“Văn minh Đại Việt đánh dấu sự phục hưng mạnh mẽ của lịch sử dân tộc sau hơn một nghìn năm bị giặc xâm lược phương Bắc đô hộ, thể hiện sức sống bền bỉ của nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc và tinh thần quật khởi của nhân dân ta.

Văn minh Đại Việt với những thành tựu rực rỡ phản ánh bước phát triển vượt bậc của dân tộc trên các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, văn hóa,... tạo tiền đề để đất nước vượt qua mọi thử thách khắc nghiệt của tự nhiên và nạn xâm lăng từ bên ngoài.

Văn minh Đại Việt với những giá trị to lớn là một nguồn lực văn hóa, sức mạnh nội sinh của dân tộc Việt Nam trong kỉ nguyên hội nhập và phát triển hiện nay”.

(*Sách giáo khoa Lịch sử 10*, bộ kết nối tri thức với cuộc sống, tr.84 - 85)

- a. Văn minh Đại Việt đã góp phần bảo tồn và phát huy những thành tựu, giá trị của nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc.
- b. Văn minh Đại Việt là một nền văn minh phát triển rực rỡ, toàn diện trên tất cả mọi mặt, đặc biệt là lĩnh vực khoa học – kĩ thuật.
- c. Sức mạnh nội lực của văn minh Đại Việt được phát huy đã góp phần bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc trước các cuộc xâm lược từ bên ngoài.
- d. Văn minh Đại Việt có ý nghĩa quyết định đến thành công của Việt Nam trong quá trình hội nhập và phát triển hiện nay.

Bài 14. Các dân tộc trên đất nước Việt Nam.

Câu 1. Dân tộc nào chiếm đa số ở Việt Nam?

- A. Dân tộc Kinh. B. Dân tộc Lô Lô.
- C. Dân tộc Mường. D. Dân tộc Tày.

Câu 2. Đồ ăn, thức uống cơ bản của người Kinh ở miền Bắc là

- A. cơm tẻ, nước chè. B. mèn mèn, rượu cần.
- C. cơm nếp, nước vối. D. xôi, ngô, rượu đoác.

Câu 3. Khăn Piêu là một sản phẩm thổ cẩm nổi tiếng của dân tộc nào?

- A. Kinh. B. Thái. C. Hoa. D. Sán Dìu.

Câu 4. Tín ngưỡng quan trọng nhất của người Kinh là

- A. tín ngưỡng phồn thực B. thờ các thần tự nhiên.
- C. thờ tổ nghề D. thờ cúng tổ tiên.

Câu 5. Hiện nay, phần lớn dân tộc Chăm cư trú ở Ninh Thuận và Bình Thuận theo

- A. Hin-đu giáo. B. Phật giáo. C. Thiên Chúa giáo. D. Hồi giáo.

Câu 6. Hiện nay ở Việt Nam có bao nhiêu dân tộc?

- A. 50 dân tộc. B. 52 dân tộc. C. 54 dân tộc. D. 56 dân tộc.

Câu 7. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng hoạt động sản xuất của hầu hết các dân tộc ở Việt Nam?

- A. Thương nghiệp đường biển là ngành kinh tế chính.
- B. Nông nghiệp có vai trò hỗ trợ cho thủ công nghiệp.

C. Kết hợp trồng trọt với chăn nuôi gia súc, gia cầm.

D. Chăn nuôi gia súc, gia cầm là ngành kinh tế chủ đạo.

Câu 8. Nhận định nào sau đây là **không** đúng về trang phục của các dân tộc ở Việt Nam?

A. Chủ yếu vay mượn từ bên ngoài.

B. Phong phú về hoa văn trang trí.

C. Đa dạng về kiểu dáng và màu sắc.

D. Thể hiện tập quán của mỗi dân tộc.

Câu 9. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng vai trò của lễ hội đối với đời sống văn hóa tinh thần của các dân tộc Việt Nam?

A. Là dịp bày tỏ lòng biết ơn sự che chở, phù hộ của thần linh, tổ tiên.

B. Là cơ sở vật chất tạo nên sự phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội.

C. Góp phần giữ gìn và truyền thừa bản sắc văn hóa qua các thế hệ.

D. Là dịp các thành viên gặp gỡ, giao lưu và thắt chặt tình đoàn kết.

Câu 10. Nhà ở của người Kinh, Hoa và Chăm chủ yếu là loại nhà nào?

A. Nhà sàn. B. Nhà thuyền. C. Nhà rông. D. Nhà trệt.

III. Tự luận.

❖ Nhà nước Văn Lang Âu lạc.

1. Cơ sở hình thành

1.1. Điều kiện tự nhiên

- Nét chính về điều kiện tự nhiên:

+ Phạm vi: lưu vực sông Hồng, sông Mã, sông Cả (vùng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ Việt Nam ngày nay).

+ Vị trí địa lí: phía bắc tiếp giáp với Trung Quốc ngày nay và phía đông giáp biển.

+ Sông ngòi: mạng lưới sông ngòi dày đặc; có nhiều dòng sông lớn, như: sông Hồng, sông Mã, sông Cả...

+ Địa hình: có nhiều vùng đồng bằng màu mỡ.

+ Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa

+ Tài nguyên khoáng sản phong phú (sắt, đồng, chì, thiếc,...)

- Tác động:

+ Vị trí địa lí thuận lợi, thúc đẩy sự giao lưu, tiếp xúc với các nền văn minh khác

+ Thuận lợi cho hoạt động sinh hoạt và sản xuất của cư dân

+ Tài nguyên khoáng sản phong phú là cơ sở để cư dân chế tác các loại hình công cụ lao động và đồ dùng sinh hoạt

1.2. Cơ sở xã hội

- Xã hội có sự phân hoá thành: tầng lớp quý tộc, nông dân tự do, nô tì

+ Quý tộc là những người giàu, có thế lực.

+ Nông dân tự do sinh sống trong các công xã nông thôn và chiếm đại đa số dân cư.

+ Nô tì là tầng lớp thấp nhất trong xã hội.

- Quá trình giao lưu, trao đổi sản phẩm đã hình thành mối liên kết giữa các cộng đồng cư dân Việt cổ.

2. Tổ chức xã hội và nhà nước

a. Tổ chức xã hội:

- Người Việt cổ quần tụ trong xóm làng (chiềng, chạ, mừng, bản,...), gồm nhiều gia đình, dòng họ sinh sống trên cùng một khu vực.

- Cư dân đoàn kết đắp đê, trị thủy, khai hoang mở rộng địa bàn cư trú và canh tác.

b. Tổ chức nhà nước:

- Thời Văn Lang:

+ Kinh đô đặt tại Phong Châu (Phú Thọ).

+ Tổ chức nhà nước đơn gian: đứng đầu nhà nước là Vua Hùng, giúp việc có các Lạc Hầu. Cả nước chia làm 15 bộ do Lạc tướng cai quản, dưới bộ là các chiềng, chạ do Bồ chính phụ trách.

-Thời Âu Lạc:

+ Kinh đô đặt ở Phong Khê (Hà Nội)

+ Bộ máy nhà nước cơ bản giống với thời Văn Lang.

+ Các đơn vị hành chính địa phương không có nhiều thay đổi so với nước Văn Lang.

+ Nhà nước Âu Lạc đã có nhiều điểm tiến bộ hơn so với nước Văn Lang, như: lãnh thổ mở rộng hơn; có vũ khí tốt, thành Cổ Loa kiên cố.

❖ Một số thành tựu tiêu biểu Nhà nước Chăm pa- Phù nam.

Thành tựu tiêu biểu về đời sống vật chất và đời sống tinh thần của nền văn minh Chăm-pa:

- Trang phục của người Chăm-pa: cả nam và nữ thường quấn ngang tấm vải từ lưng trở xuống, tai đeo trang sức.

- Người dân sống trong các nhà sàn dựng bằng gỗ.

- Thuyền đi biển phổ biến là loại hai đầu nhọn, có cánh buồm, phần đầu để lái và mũi thuyền uốn cong.

- Kỹ thuật làm đồ gốm phát triển: sản phẩm từ nghề gốm đa dạng, như tượng phù điêu trang trí kiến trúc đền tháp, gốm tráng men, gốm gia dụng.

- Chữ viết Chăm ra đời trên cơ sở tiếp thu chữ Phạn và dần được phổ biến trên các văn bia.

- Văn học dân gian (thần thoại, truyền thuyết, văn bi ký, sử thi,...) và văn học viết (thơ, trường ca,...) cùng tồn tại.

- Chăm- pa có tục thờ cúng tổ tiên và chôn người chết trong các mộ chum.

Thành tựu tiêu biểu về đời sống vật chất và đời sống tinh thần của nền văn minh Phù Nam:

- Trang phục: người dân nghèo dùng vải may quần áo, người giàu có dùng tơ lụa. Trang phục phổ biến là áo chui đầu hoặc ở trần, dùng vải quấn làm váy, đi chân đất hoặc đi dép gỗ, vua đi dép bằng ngà voi.

- Người Phù Nam thích đeo đồ trang sức làm bằng đá quý, thủy tinh, vàng, bạc,...

- Sống chủ yếu trong các nhà sàn bằng gỗ. Việc di chuyển dựa trên các thuyền bè trên kênh rạch, sông, biển.

- Sử dụng chữ viết từ sớm. Các loại văn tự sử dụng chữ Hán hoặc chữ Phạn.

- Kỹ thuật chế tác đồ trang sức, dệt vải, làm gốm, điêu khắc, kiến trúc mang tính thẩm mỹ.

- Về tín ngưỡng và tôn giáo, Hin-du giáo (Ấn Độ giáo) và Phật giáo được tôn sùng. Dân gian còn có tín ngưỡng sùng bái núi thiêng và nàng công chúa rắn.

❖ Những thành tựu tiêu biểu của văn minh Đại Việt

* Về kinh tế:

- Nông nghiệp là ngành kinh tế chủ đạo; các triều đại đều có chính sách khuyến khích sản xuất nông nghiệp.

- Thủ công nghiệp gồm 2 bộ phận:

+ Thủ công nghiệp trong dân gian: phát triển, xuất hiện nhiều làng nghề

+ Thủ công nghiệp nhà nước phát triển, chuyên sản xuất các sản phẩm phục vụ cho cung đình, quan lại.

- Thương nghiệp:

+ Hoạt động buôn bán trong và ngoài nước phát triển;

+ Trong khoảng thế kỉ XVI – XVIII, ở Đại Việt chứng kiến sự hưng khởi của nhiều đô thị như: Phố Hiến, Thanh Hà, Hội An, Thăng Long...

* Về chính trị:

- Nhà nước quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền ngày càng được củng cố, hoàn thiện
- Nhà nước lãnh đạo thành công nhiều cuộc kháng chiến chống xâm lược
- Nhà nước quan tâm đến xây dựng hệ thống luật pháp.

*** Về tư tưởng, tôn giáo:**

- Tư tưởng:
- + Tư tưởng yêu nước thương dân: Phát triển theo hai xu hướng: dân tộc và thân dân.
- + Nho giáo: dần phát triển cùng với sự phát triển của giáo dục và thi cử.
- Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương và tổ tiên tiếp tục phát triển.
- Tôn giáo:
- + Phật giáo: phát triển mạnh trong buổi đầu độc lập và trở thành quốc giáo thời Lý – Trần. Từ thế kỉ XV, Phật giáo mất vai trò quốc giáo, song vẫn có sự phát triển mạnh mẽ, đồng hành cùng dân tộc trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước.
- + Đạo giáo: phổ biến trong dân gian và được các triều đại phong kiến coi trọng, có vị trí nhất định trong xã hội.

*** Thành tựu Giáo dục**

- Nhà nước quan tâm đến phát triển giáo dục
- Các khoa thi được mở ra để tuyển chọn nhân tài cho đất nước.

*** Thành tựu chữ viết**

- Trên cơ sở tiếp thu chữ Hán của người Trung Quốc, người Việt đã sáng tạo chữ Nôm.
- Đến thế kỉ XVII, chữ quốc ngữ ra đời từ sự cải tiến bảng chữ cái La-tinh để ghi âm tiếng Việt.

*** Thành tựu về văn học**

- Văn học dân gian tiếp tục phát triển, phong phú về thể loại
- Văn học chữ viết phát triển, gồm 2 bộ phận: văn học chữ Hán và văn học chữ Nôm.

*** Thành tựu về khoa học:** các lĩnh vực: sử học, địa lí học, toán học, khoa học quân sự, y học... đều có sự phát triển

*** Thành tựu về âm nhạc:** các lĩnh vực âm nhạc, lễ hội, kiến trúc và điêu khắc đều đạt được những tiến bộ nhất định.